



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1778/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Nguyễn Hồ Thanh Long, Nguyễn Quốc Phương Hoài,
Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 12/09/2025
- Thời gian phân tích : 12/09/2025 – 23/09/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 5/5

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC



TS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1778/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 250912003_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, C _{max} =C _x K _{qx} K _f Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1	Độ màu*	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	TDS	mg/L	705	-	HD.TN.236
3	TSS	mg/L	9	40,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	51	60,75	SMEWW 5220C:2023
5	BOD ₅ *	mg/L	18	24,3	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	3,2	4,05	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ*	mg/L	13,3	16,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho*	mg/L	0,55	3,24	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011 (ISO 7393-3:1990)
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
11	Sắt (Fe)	mg/L	0,39	0,81	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,62	SMEWW 3111 B:2023
13	Kẽm (Zn)*	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,43	SMEWW 3111B:2023
14	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,405	SMEWW 3111B:2023
15	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
16	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405	TCVN 7877:2008

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/5

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1778/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, C _{max} =C _x K _q xK _f Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
17	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,081	SMEWW 3113B:2023
18	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
19	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,162	SMEWW 3113B:2023
20	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN. C&E:2023
21	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL=0,1)	-	TCVN 6622-1:2009
22	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
23	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,5)	-	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	14 x 10 ²	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; K_q = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s
K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; K_f = 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- Nước thải TCVN 5999: 1995 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3: 2016; TCVN 6663-14: 2018
- Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải sau xử lý (Kinh độ: 106°36'19.8'', Vĩ độ: 11°27'56.0'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thừa/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: 3/5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1778/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI (Mã số mẫu: 250912003_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	Độ màu *	Pt-Co	53	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	7,08	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS *	mg/L	21	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	102	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD ₅ *	mg/L	46	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) *	mg/L	4,6	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ *	mg/L	15,1	20	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho *	mg/L	1,22	4	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Kẽm (Zn) *	mg/L	KPH (MDL=0,036)	3	SMEWW 3111B:2023
10	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
12	Tổng dầu mỡ [#]	mg/L	KPH (MDL=1,0)	-	SMEWW 5520B:2017
13	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	26 x 10 ²	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Viện môi trường và Tài nguyên – Vimcerts 138)
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- Nước thải TCVN 5999 : 1995 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thừa/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: 4/5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1778/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải trước xử lý (Kinh độ: 106°36'22.9'', Vĩ độ: 11°27'57.8'')



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **5/5**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1779/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : KCN MINH HƯNG 3
- Địa chỉ : Khu phố 3A, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai
- Người lấy mẫu : Nguyễn Hồ Thanh Long, Nguyễn Quốc Phương Hoà,
Phạm Trần Quốc Thắng
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 12/09/2025
- Thời gian phân tích : 12/09/2025 – 23/09/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/01**
NBH: **02/05/2019**
Trang: 1/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1779/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH Bùn Thải

(Mã số mẫu: 250912003_BT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
1	pH	-	6,48	Trong khoảng 2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As)	mg/Kg	KPH (MDL=0,28)	10,2	US EPA Method 3050B & US EPA Method 7010
3	Bari (Ba)	mg/Kg	KPH (MDL=130)	510,4	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Cadimi (Cd)	mg/Kg	KPH (MDL=0,24)	2,55	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
5	Bạc (Ag)	mg/Kg	KPH (MDL=7,4)	25,5	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
6	Chì (Pb)	mg/Kg	KPH (MDL=43,3)	76,6	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Coban (Co)	mg/Kg	KPH (MDL=6,6)	408,3	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Kẽm (Zn)	mg/Kg	551,0	1.276	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	mg/Kg	KPH (MDL=42)	357,3	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
10	Selen (Se)	mg/Kg	KPH (MDL=0,55)	5,10	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
11	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	KPH (MDL=0,05)	1,02	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7470 A
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/Kg	KPH (MDL=6,0)	25,5	US EPA Method 3060 A + US EPA Method 7196 A
13	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/kg	KPH (MDL=2,8)	150,6	US EPA Method 9010C & US EPA Method 9013A & US EPA Method 9014
14	Tổng dầu	mg/Kg	KPH (MDL=23)	255,2	US EPA Method 9071 B
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=10)	5.104	US EPA 3540C + US EPA 3650B + US EPA 8041A
16	Benzen (C ₆ H ₆) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	2,55	US EPA 5021 A

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
 LBH/SX: **03/01**
 NBH: **02/05/2019**
 Trang: **2/3**

3310256
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ PHÁT
 TRIỂN MÔI TRƯỜNG
 ĐẠI VIỆT
 PHỐ HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1779/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đặc, phân tích
			BT01		
17	Clobenzen (C ₆ H ₅ Cl) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	357,3	US EPA 5021 A
18	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	5.104	US EPA 5021 A
19	Naptalen (C ₁₀ H ₈) [#]	mg/Kg	KPH (MDL=0,5)	255,2	US EPA 5021 A

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý

Giá trị hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau

$$H_{tc} = \frac{H \times (1 + 19 \times T)}{20}$$

Trong đó:

H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong bảng 1

T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải, ứng với T = 0,216

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

Phương pháp lấy mẫu:
 Bùn TCVN 6663-13 : 2015
 Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 6663-15 : 2004

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- BT01: Bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III (Kinh độ: 106°36'21.8'', Vĩ độ: 11°27'57.8'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
 LBH/SX: **03/01**
 NBH: **02/05/2019**
 Trang: **3/3**